

VAI TRÒ CỦA VĂN HOÁ TRONG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ SÁNG TẠO MỘT CÁCH TIẾP CẬN THEO PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Eui-Gak Hwang*

1. Giới thiệu

Thành phố là trung tâm sinh sống và làm việc. Một hoạt động chậm chạp, con người và xã hội yên ả, một thành phố ngủ say cũng sẽ bị các đối thủ sáng tạo mới nổi, thách thức dồn ép vào thế yếu. Chính chất lượng tinh thần sẽ là tác động cho cộng đồng và thành phố cất cánh trong buổi sớm mai. Nếu chúng ta phải đặt tên cho những thành phần cách mạng khoa học mang đến khả năng sinh tồn đối với cộng đồng người - khu vực bao quanh thành phố, chúng ta có thể chấp nhận một cái tên đang xuất hiện xung quanh mà chúng ta thường là "văn hoá". Thực thể được gọi là "văn hoá" ấy chứa đựng nhiều bộ mặt và rất nhiều chức năng. Trong lịch sử nhiều nền văn hoá đã ra đời và cũng đã biến mất theo thời gian. Trong số những nền văn hoá ấy có nền văn hoá Hy Lạp, văn hoá Latinh, văn hoá phương Tây và văn hoá phương Đông. Do hoàn cảnh địa lý, lịch sử biến đổi và những hình thức tự thấu hiểu, xã hội khác nhau đã và đang tự hình thành cho mình những quy phạm và nguyên tắc khác nhau. Mỗi nhóm người hay địa phương đã và đang phát triển những năng lực, nhu cầu, quan niệm, nhận thức, các cách hình dung và hệ thống niềm tin khác nhau của con người và tạo ra các dạng hoạt động văn chương, nghệ thuật khác nhau. Qua đó, theo dòng lịch sử, từng xã hội đều giữ lại cho mình không ít thì nhiều một cộng đồng văn hoá riêng biệt, nếu không lai ghép theo kiểu thuyết đa nguyên hỗn hợp, thông qua những sự tương tác với một cộng đồng khác. Những giá trị và quan niệm của một cộng đồng này không thể được kết hợp hoàn toàn với giá trị quan niệm của một cộng đồng khác và các loại đức tính, văn học, nghệ thuật, chủ nghĩa anh hùng, ngôn ngữ và thậm chí tiếng lóng đương đại được hình thành ở xã hội này đều không dễ dàng được sao chép lại trong một xã hội khác. Văn hoá cũng vậy, một chủ thể độc nhất vô nhị trong một xã hội về phương diện lịch sử gắn liền với mọi lối sống đặc biệt. Văn hoá tự phản ánh một cấu trúc xã hội bên trong được hình thành trong suốt cuộc đời con người. Mỗi cộng đồng, thành phố và dân tộc thực ra là một nhóm hợp nhất các hoạt động của

* Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu Phát triển Á Đông, Nhật Bản (ICSEAD).

con người phát triển bên trong các môi trường sống tương ứng của mình. Đa dạng văn hoá ảnh hưởng đến ranh giới các hoạt động của con người và những đầu ra của con người nói chung. Diễn đạt theo ngôn ngữ toán học, nếu A là một tập hợp con thích hợp của B và B được chứa đựng bởi C (để lựa chọn, $B \cup C = \{x \mid x \in B \vee x \in C\}$), vậy A giao nhau với C trong toàn bộ thuyết, khi A biểu thị các hoạt động của con người (cuộc sống) trong một thành phố (hoặc quốc gia) B và C là toàn bộ khuynh hướng văn hoá chung. Lập luận đơn giản này, sau đó các vấn đề văn hoá trong cách mà các giá trị và nhu cầu thiết yếu định hình tiến bộ của con người Dĩ nhiên một tập hợp nền văn hoá cũ và mới (ý tưởng), đa dạng văn hoá không chỉ ảnh hưởng đến phạm vi hoạt động của con người đương đại qua quá trình liên hệ ngược cũng như các ảnh hưởng liên hệ xuôi, mà còn ảnh hưởng đến những điều kiện chi phối hoạt động của con người giống như việc hình thành một thành phố. Với những hoạt động xã hội như ở một thành phố địa phương, hay một cộng đồng, đa dạng văn hoá được xem là có ảnh hưởng một cách tích cực bằng cách đẩy mạnh tính sáng tạo và sự cách tân từ việc đòi hỏi hoặc đẩy mạnh hàng loạt những ý tưởng mới, nếu không chúng sẽ hoạt động như các thành phần gây xung đột lẫn nhau. Đa dạng văn hoá tồn tại mang tính không gian và thời gian giữa và trong các thành phố và quốc gia. Nó có thể vừa ảnh hưởng, vừa góp phần tăng trưởng kinh tế phát triển thành phố. Nếu những thành phần văn hoá loại bỏ các xung đột chính trị và xung đột giữa các cá nhân với nhau cũng như những sự không tin tưởng cố hữu trong các cơ sở văn hoá khác nhau (giống như trường hợp xung đột tôn giáo giữa đạo Hồi và đạo Do Thái - ví dụ về đa dạng văn hoá là cái này đối lập với cái kia), văn hoá và đa dạng văn hoá sẽ hoạt động một cách tiêu cực. Nói một cách khác, nhiều hoạt động văn hoá và đa dạng văn hoá sẽ có ích cho nền kinh tế, nếu có thể đẩy mạnh các cụm kinh tế, cơ hội và những thành phần bổ sung lẫn nhau thông qua sáng tạo và đổi mới.

Bài viết này muốn giải thích vai trò tích cực của văn hoá đối với các thành phố sáng tạo. Phần 2 sẽ xem xét bản chất và tầm quan trọng của các thành phố sáng tạo bao gồm những vấn đề về khái niệm và những thách thức về chính sách. Phần 3 trước hết sẽ nhìn vào những khái niệm định nghĩa văn hoá không phải là một chủ thể phù phiếm và phát sinh, mà là một chủ thể quan trọng trong những lợi ích kinh tế cụ thể. Phần này cũng sẽ bao gồm một số sự tiếp cận theo phương pháp luận nhằm phân tích vai trò và chức năng của cả văn hoá và những chủ thể của văn hoá (như các nhà sản xuất nghệ thuật và các tổ chức văn hoá...), đặc biệt đối với những chủ thể có đóng góp vào các thành phố sáng tạo. Phần này cần một vài giải thích khoa học về việc làm thế nào văn hoá và kinh tế (từ nay trở đi, gọi là "thành phố") có mối liên kết chặt chẽ với nhau. Cuộc điều tra theo kinh nghiệm sẽ là một bài tập về nhà tiếp theo dựa trên sự thiếu hụt những thay đổi định tính có liên quan đến các giá trị định lượng của văn hoá. Phần 4 sẽ giải quyết các vai trò của thương mại và chính phủ trong việc đẩy mạnh sáng tạo và hiệu quả trong các giới hạn quản lý và quản trị của riêng mình. Phần cuối cùng kết luận với một vài kiến nghị cho nghiên cứu tiếp theo.

2. Những khái niệm về thành phố sáng tạo và những thách thức về chính sách

Một nhà văn nổi tiếng đã từng định nghĩa khái niệm về các thành phố sáng tạo được thảo luận giữa các nhà kinh tế học đô thị, các kiến trúc sư dân dụng, các nhà địa lý và các nhà lý thuyết học đô thị khác (cf. Landry and Bianchini 1995, Landry 2006, Florida 2002, Scott 2006). Trong bài viết mới đây, Allen J. Scott (2006) đã chỉ ra một cách

thích đáng nhiều tranh luận trong cả hai giới học giả và chính sách về rất nhiều những ý nghĩa và ứng dụng thực tế. Đặc biệt, "lớp học sáng tạo" của Florida (2002) đã thổi bùng lên một ý tưởng phổ biến về những quy định về công tác tái tạo và xây mới lại đô thị thành công cũng như sự phát triển của nó. Tái tạo đô thị là một lựa chọn cơ bản nhằm giữ lại một thành phố hiện có nhưng đang xuống dốc, là điều cần phải có do sự gia tăng quá nhanh những vấn đề của đô thị. Nhiều thành phố cũ trước kia đã từng là những thành phố rất thịnh vượng và lộng lẫy; bây giờ những hình ảnh đó đã xuống dốc, do thiếu sức sống và khả năng cạnh tranh bởi nhiều lý do khác nhau. Những lý do làm cho các thành phố ấy xuống cấp phải kể đến từ sự dàn trải và lão hoá của các công trình, sự bố trí lại không gian hoạt động, giao thông, tiện nghi, tội phạm gia tăng, các dịch vụ trường học dành cho trẻ em xuống cấp, các khu mua sắm nghèo nàn và cũ rích, các cơ sở kinh doanh lạc hậu, sự thiếu thốn việc làm, dân số ít đi, các hệ thống mạng lưới dựa vào công nghệ mới ở khắp mọi nơi và nhiều yếu tố tích cực và tiêu cực khác nữa. Nhờ sự phổ biến nhanh chóng ICT (Information (thông tin), Communication (liên lạc), và Technology (Công nghệ)) cũng như sự thay đổi trong các hệ thống mạng lưới giao thông vận tải, giờ đây những lý thuyết phát triển đô thị cũ kỹ dựa trên mật độ đô thị và khoảng cách không được áp dụng nữa. Lấy ví dụ, Muth (1961) và Clark (1951, 1957), Stewart và Warntz (1958) đã cố gắng điều tra sự phân bố mật độ dân số với khoảng cách từ trung tâm thành phố như một cách giải thích sự tăng trưởng của thành phố và cấu trúc thành phố. Muth đã tạo ra một mô hình dự đoán một dạng số mũ đối với mối quan hệ đảo ngược giữa mật độ dân số và khoảng cách từ trung tâm thành phố. Mô hình được lập công thức đối với sự sụt giảm dạng số mũ trong mật độ với khoảng cách, ví dụ:

$$d(r) = d(O)e^{-r/g},$$

theo dạng trong lôga tự nhiên:

$$\ln d(r) = \ln d(O) - r/g.$$

Trong những phương trình này, $d(r)$ hiển thị mật độ ở khoảng cách r từ trung tâm, $d(O)$ mật độ trung tâm hoặc mật độ được ngoại suy đến trung tâm và g là gradien của mật độ. Thông số g là một số đo sự tập trung trong khi $d(O)$ được gọi là sự tắc nghẽn. Phương pháp tiếp cận này cho thấy sự tăng trưởng của thành phố được hiển thị bằng mức độ tập trung của thành phố có liên quan đến tính sẵn sàng của giao thông vận tải. Trong thực tế, Muth đã tạo mối liên quan giữa những ước tính của g với các biến số đi kèm với các đặc trưng của hệ thống giao thông vận tải địa phương và tính sẵn sàng của các xe ô tô trong mỗi thành phố. Tuy nhiên, xem xét căn cứ theo thực tế ngày nay, đây hoàn toàn là một lý thuyết đô thị cũ rích về sự tăng trưởng của thành phố và cấu trúc thành phố. Vai trò của giao thông vận tải không đến mức quan trọng như vậy, cho dù ở mức độ nào đó, nó vẫn có những ảnh hưởng, nhờ sự lan rộng không ngừng việc sử dụng các mạng lưới thông tin, liên lạc, vận tải và internet được đổi mới trong mọi phạm vi hoạt động kinh doanh và lối sống hàng ngày của hầu hết các cá nhân trong và ngoài các thành phố. Trung tâm thành phố cũ không còn hoạt động giống như các trung tâm thành phố hiện giờ nữa, hoặc là do trung tâm không còn sự liên kết với nhiều trung tâm kinh doanh mới; hay là vì sự tái phân bố dân số và chuyển dịch trong cả hai giai đoạn tái cơ cấu các hoạt động kinh doanh và tăng trưởng kinh tế. Sự ngoại ô hoá toàn diện dân số ngày nay trải rộng ở khắp nơi. Việc thay đổi xu hướng này trong việc tăng các mức thu nhập bình quân và người giàu hơn có thể sinh sống tại những nơi rộng rãi và hiện đại, không ngạc nhiên khi thấy các nhóm có thu nhập cao hơn dẫn đầu cuộc di cư ra bên ngoài và tiếp tục sống xa trung tâm

cũ nhiều hơn so với những người có thu nhập thấp. Khi có tiền, những nhà cung cấp tập trung vào khách hàng và các dịch vụ chăm sóc khách hàng sẽ đi theo. Ngay cả khi trung tâm cũ vẫn có thể cung cấp các lợi thế khi tiếp cận và một số sự tiện lợi trong việc di chuyển hàng ngày cho mọi người, tuy nhiên sự xuống cấp của nhà ở và các khu lân cận với những con phố cũ chật hẹp, giá bất động sản tương đối cao và tỷ lệ tội phạm gia tăng đã ảnh hưởng quan trọng trong việc chuyển đổi các mô hình cư trú về phía các khu dân cư mới hay các địa điểm ở ngoại ô. Lý thuyết về khu vực trung tâm truyền theo cung và cầu được cho là có mối tương quan tiêu cực đến khoảng cách, không còn mang tính thuyết phục trong thời đại tương tác không gian khắp nơi và rất mới mẻ này, với những mô hình vận động và mạng lưới mới.

Những nền kinh tế đô thị mới tìm kiếm những nhân tố đóng góp vào sự tăng trưởng và làm mới thành phố từ những triển vọng có liên quan đến chất lượng thành phố. Chất lượng thành phố, cho dù nói nghiêm túc là một thước đo tương đối và theo thứ tự, có liên quan đến các khái niệm về cả tính sáng tạo và khả năng tồn tại của thành phố. Tính sáng tạo là một yếu tố đầu vào hữu hình và khả năng tồn tại (và cả chất lượng) là một đầu ra đáng kể có thể đạt được nhờ tính sáng tạo. Nói một cách đơn giản, chất lượng thành phố là chức năng của các yếu tố đầu vào sáng tạo. Các yếu tố đầu vào sáng tạo bao gồm nhiều nhân tố như những ý nghĩ sáng tạo, những ý tưởng, những nhà lãnh đạo có liên quan đến các phẩm chất và tài năng của cá nhân, nền văn hoá tổ chức, mật độ dân số và văn hoá, bản sắc địa phương, những vấn đề xã hội và tự nhiên biến đổi, chưa kể đến những động lực mạng lưới... chỉ liệt kê một số. Những phản ứng cách tân thường xuyên này lựa khi mọi người cố gắng thoát ra khỏi tình trạng bị mắc bẫy trong hàng loạt vấn đề. Những vấn đề phát sinh quanh chúng ta thực ra sẽ là nguồn gốc sinh ra sự cách tân và tính sáng tạo. Để sử dụng tốt nhất những ý tưởng cách tân trong việc sáng tạo một cộng đồng tốt hơn, cơ sở hạ tầng của cá nhân và tổ chức phải có một ý chí tích cực để sử dụng chúng, bất chấp rất nhiều những ý tưởng cách tân và những ý nghĩa sáng tạo thường bao gồm các chi phí cao do có rủi ro sẽ không thành công.

Tóm tắt lại điều trên đây trên phương diện tối đa hoá yếu tố đầu vào phải chịu sự ép giá cố hữu, chúng ta có:

$$\text{Tối đa } Q_t = A_t(\cdot) F(C_t, K_t, N_t),$$

$$\text{với } C_t = f(X_1, X_2, \dots, X_n) \quad (1)$$

chịu một vectơ chi phí (Z) bao gồm không thành công cũng như các chi phí sản xuất của X_i ($i = 1, \dots, n$).

Ở đây, Q là một chỉ số của chất lượng thành phố. Một thông số về năng lực kỹ thuật, yếu tố đầu vào vốn hữu hình K , chỉ số chất lượng công nhân N . C là một chỉ số của tính sáng tạo đến lượt mình phụ thuộc vào vectơ X_i ($i = 1, \dots, n$), bao gồm các nhân tố như các phẩm chất cá nhân và những tài năng đa dạng, đa dạng văn hoá, tổ chức, lãnh đạo, những động lực hoạt động mạng lưới và nhiều nhân tố khác. Những ký hiệu "t" ám chỉ đơn vị thời gian.

Các biến số X_i ảnh hưởng đến C và C ảnh hưởng đến một sự thay đổi trong Q trong quá trình phản ứng dây chuyền. Những sự tương tác cũng là những quan hệ phản thân giữa khả năng tồn tại và tính sáng tạo của một thành phố, giống như giữa hiệu quả công nghệ (A) và những ý tưởng sáng tạo (C). Các nhà làm chính sách phải cân nhắc làm thế

nào vừa giúp đẩy mạnh việc sản sinh (và năng suất) ra những ý tưởng sáng tạo, vừa giúp giảm thiểu chi phí (và rủi ro) trong thất bại, để thực hiện các nhiệm vụ đổi mới thành phố.

Nói tóm lại, việc xây dựng thành phố sáng tạo bao hàm những vấn đề cơ bản về quyền công dân và bộ phận lãnh đạo, sự hợp nhất đầy đủ tất cả các giai tầng xã hội vào trong cuộc sống thực tế của thành phố đang tạo điều kiện rất tốt cho các sức mạnh và tài năng sáng tạo của toàn thể công dân ở mức độ lớn. Những người sáng tạo và nhà cầm quyền địa phương sáng tạo phải đáp ứng một cách sáng tạo với những vấn đề và thách thức họ phải đối mặt. Các ý tưởng sáng tạo tự thân nó không thể bổ sung làm nên một nền kinh tế cũng như thành phố tiên tiến. Thành công luôn đòi hỏi một môi trường thân thiện từ tất cả các tác nhân có liên bao gồm chính phủ, cơ sở kinh doanh và toàn bộ các tầng lớp xã hội đóng góp vào như những người tiêu dùng, nhà sản xuất và nhà cách tân. Làm thế nào để sử dụng tốt nhất những nguồn lực con người, cơ sở và tổ chức đương thời là thách thức về chính sách quan trọng nhất tạo nên một thành phố sáng tạo và hiệu quả, căn cứ vào sự thấu hiểu về tầm quan trọng của những ý tưởng đổi mới và sáng tạo.

3. Văn hoá có liên quan thế nào đến tính sáng tạo và việc xây dựng thành phố sáng tạo?

"Thế giới hiện nay cho thấy một số lượng đáng kinh ngạc của các nền văn hoá, ở cả hai khía cạnh giá trị và thực tiễn. Nếu toàn bộ nhân loại này đều bắt nguồn từ những tổ tiên chung và các nền văn hoá theo đuổi tính liên tục, thì những thế lực nào phải chịu trách nhiệm khi đa dạng hoá các nền văn hoá của tổ tiên chúng ta nhiều đến thế? Hiểu được điều này cũng sẽ giúp chúng ta dự đoán được những thay đổi trong tương lai."

- Geert Hofstede và Gert Jan Hofstede:

"Những nền văn hoá và các tổ chức" (2005, p. 16)

Hành động sáng tạo đó là tạo ra những cái mới, hữu hình hoặc vô hình. Để nói rằng việc tạo nên những ý tưởng là thí dụ chung nhất về sự tham gia của con người trong hành động sáng tạo. Khi chúng ta gọi một cái gì đó là "sáng tạo", tức là chúng ta muốn nói đó là thứ "duy nhất, điển hình, mới mẻ, độc đáo, hữu ích" trong nghĩa rộng, nhưng chúng ta cũng nói đó là thứ "hữu ích và có thể sống được" trong định nghĩa đặc biệt về thành phố sáng tạo. "Tính sáng tạo" ở đây mang nghĩa là một cái gì đó hoặc một năng lực nào đó được bổ sung bằng "hành động sáng tạo". Một số nét đặc biệt tồn tại giữa "tính từ" và "danh từ", nhưng chúng ta sẽ sử dụng hai nét độc đáo này để thay thế cho nhau. Vấn đề là liệu kiểu tính sáng tạo và thành phố sáng tạo có quan hệ chặt chẽ với những nền văn hoá hay không. Liệu văn hoá và kinh tế có mối liên quan nào chặt chẽ hay không, quan hệ nhân quả được thành lập như thế nào? Để minh họa mối quan hệ tương hỗ giữa các nền văn hoá và sự tăng trưởng kinh tế, có thể đưa ra một giả thuyết rằng: "Các giá trị đạo Khổng là tiết kiệm và bền bỉ" đã và đang còn gắn liền với sự tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia Đông Á.

Một mối quan hệ tương hỗ không chứng minh mối liên kết nhân quả. Mối quan hệ nhân quả giữa thành công kinh tế và nền văn hoá có thể đi theo một trong hai cách, hoặc có thể có một cách thứ ba và nhiều nhân tố hơn đóng vai trò như một nguyên nhân chung. Do đó, cần phải lưu ý rằng nền văn hoá dưới dạng các giá trị có ảnh hưởng nhất định là cần thiết nhưng không phải là điều kiện đủ cho sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Những điều kiện khác bao gồm ví dụ về sự tồn tại của một thị trường và một bối cảnh chính trị và tổ chức cho phép sự phát triển. Và những điều kiện khác này sản sinh ra những nền văn hoá mới.

Trong bài viết này, chúng tôi hạn chế phạm vi quan tâm của mình vào việc thiết lập những quan hệ tương hỗ và những ảnh hưởng nhân quả trên cả nền kinh tế (thành phố sáng tạo) và tính sáng tạo của các nhân tố văn hoá cũng như đa dạng văn hoá trong nền kinh tế (thành phố). Thứ nhất, phải hiểu rõ rằng những ý nghĩa của "văn hoá" sẽ được sử dụng trong sự phân tích này. Theo từ điển của Webster, "văn hoá" được định nghĩa như một "cách sống". Những phong tục tập quán và tín ngưỡng là các phong cách sống của cả hai "tổ chức xã hội và cuộc sống" của một địa phương hay một nhóm cụ thể. Để liệt kê ra một loạt những nền văn hoá xã hội và cuộc sống, ta có nền văn hoá châu Âu, văn hoá châu Mỹ, văn hoá châu Phi, văn hoá Nhật Bản, văn hoá đạo Hồi, văn hoá đạo Thiên Chúa, văn hoá tầng lớp lao động, văn hoá tầng lớp thượng lưu, văn hoá đô thị, văn hoá nông thôn, văn hoá thanh niên, văn hoá người lớn, văn hoá arty-gen (thể hệ làm nghệ thuật), văn hoá tầng lớp NOW (những phụ nữ già đương thời), văn hoá số, văn hoá chính trị, văn hoá tổ chức, văn hoá người tiêu dùng, văn hoá tổng hợp... thực ra sẽ còn rất nhiều nữa. Mỗi nền văn hoá, hoặc riêng rẽ hoặc tổng hợp đều có một nhóm các giá trị và đặc điểm riêng biệt lớn dần lên với những trải nghiệm về vật chất, xã hội và tâm lý, trong một môi trường đã cho. Nó có liên quan một chút đến dạng chủng tộc, tôn giáo, giáo dục, tâm lý, lịch sử và tầng lớp xã hội. Xin nói lại, văn hoá không phải là một biến số độc lập, mà chịu ảnh hưởng của một số các nhân tố khác, chẳng hạn địa lý, khí hậu, chính trị và những sự thay đổi thất thường của lịch sử.

Một cách tình cờ, nếu một ai đó hỏi tôi rằng tôi nghĩ rằng "nền văn hoá Nhật Bản" đại diện cho cái gì, có thể trong số rất nhiều đặc trưng, tôi sẽ lựa chọn cẩn thận đặc trưng văn hoá Nhật Bản điển hình, chẳng hạn từ "phim hoạt hình và hoạt họa", với những nữ anh hùng chân dài tất cả trông như đều mặc "quần lót trắng" và mang những "vũ khí bạo lực" mà (theo ý tôi) thể hiện sự bạo dâm của người Nhật như một nghi lễ văn hoá của họ.

Những bài viết gần đây nhất về vai trò của từ đơn "văn hoá" trong việc xây dựng những thành phố sáng tạo chủ yếu ám chỉ đến "văn hoá" được định nghĩa chung là "tư duy của "như một nhóm" đóng góp vào sự đổi mới và tính sáng tạo của thành phố" đặc biệt theo kiểu nghệ thuật, âm nhạc, văn học, truyền thống... Những loại hoạt động văn hoá này vô tình in dấu ấn cảm xúc và kinh nghiệm trong tâm trí của mọi người, cá nhân hay tập thể. Sự kết hợp của kinh nghiệm khác nhau và cảm xúc đi kèm theo sáng tạo một cái gì đó được biết đến như một dấu ấn, đến lượt mình tác động đến những quá trình tư duy của mọi người và định hình những ý tưởng và tính sáng tạo mới.

Vai trò của các nền văn hoá có thể được phân tích theo khía cạnh hoặc là những ảnh hưởng của một nhân tố văn hoá (rất nhỏ) riêng lẻ (như nghệ thuật) hoặc của một chỉ số văn hoá tổng hợp (như đa dạng văn hoá hoặc sự tương đồng về văn hoá) lên nền kinh tế và cả thành phố sáng tạo (tính sáng tạo thành phố). Cả hai nhiệm vụ phải cực kỳ thấu hết mọi khía cạnh trừ phi những biến số văn hoá được xác định theo phẩm chất có liên quan có thể xác định số lượng theo cách nào đó. Khó khăn phát sinh do các đặc trưng của những sự biến đổi văn hoá này. Thử nghiệm giả thuyết có liên quan đến sự đóng góp của các nền văn hoá vào sự tăng trưởng (kinh tế) của thành phố theo kinh nghiệm sẽ không đơn giản như những sự giải thích phỏng chừng hoặc những tài liệu sẵn có trong như nhiều tài liệu liên quan đến thành phố sáng tạo ngày nay. Ngoài ra, có rất nhiều những nền văn hoá đa dạng trên thế giới này nơi chúng ta lớn lên. Ngay như những kinh nghiệm và cảm xúc khác nhau cùng tồn tại trong không gian và thời gian, đa dạng văn hoá cũng vậy. "Đa dạng" được định nghĩa như "trạng thái hoặc chất lượng trở nên khác biệt hay bị biến đổi; và thời điểm khác biệt; đặc tính trở nên khác biệt về mặt số lượng; điều kiện có thể

mang những dấu ấn được tạo thành từ rất nhiều những thành phần khác biệt hoặc riêng biệt", căn cứ theo từ điển từ ngữ mới nhất. Nếu các nền văn hoá yêu cầu tính liên tục, bản chất của con người thích nghi với những môi trường văn hoá mới và chính nhu cầu sinh tồn của con người sẽ dẫn đến những giải pháp văn hoá khác nhau. Do đó, đa dạng văn hoá tìm thấy chỗ của mình trong các vấn đề về phong cách sống của con người.

Thấu hiểu tất cả những đặc trưng này của những sự biến đổi văn hoá trích dẫn trên đây, chúng ta giờ có thể cố gắng xây dựng một mô hình lý thuyết đơn giản theo lý thuyết nhằm thiết lập những mối quan hệ tương hỗ giữa sự tăng trưởng đô thị (tăng trưởng năng suất) và một vài sự biến đổi văn hoá chủ yếu. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng có thể được xác định thông qua việc sử dụng phân tích nguồn tăng trưởng. Một chức năng sản xuất tổng hợp liên kết đầu ra của một nền kinh tế hay một phần của một nền kinh tế (tập trung vào một "thành phố" đặc biệt) vào các yếu tố đầu vào được sử dụng để tạo đầu ra. Theo dõi những đầu vào (giống như những sự thay đổi về vốn, lao động và văn hoá) theo thời gian cho thấy sự đóng góp xấp xỉ của từng yếu tố đầu vào đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế (thành phố). Lấy tiêu chuẩn giữa các giai đoạn cho thấy các tiêu chuẩn thu nhập có thể được gán cho từng nhân tố:

$$Y_t/Y_{t-1} = A_t/A_{t-1}(K_t/K_{t-1})^a(Q_t/Q_{t-1})^{1-a} (X_t/X_{t-1}) \quad (2)$$

với

t : thời gian

Y : GDP mỗi công nhân

A : thông số hiệu suất kỹ thuật

K : vốn vật chất mỗi công nhân

Q : chỉ số công nhân - chất lượng

X : đánh giá thành phần văn hoá, như $X = \sum_j C_j$ với ($j = 1 \dots n$); chẳng hạn, C_1 là cơ sở đa dạng chủng tộc trong thành phố và có thể được thể hiện bằng cơ sở đa dạng ngôn ngữ trong thành phố. Phương pháp đánh giá cơ sở đa dạng này sẽ được giải thích sau. C_2 có thể chứng tỏ nền văn hoá tổ chức đến lượt mình có thể trở nên gắn đúng với hoặc chỉ số mở rộng của chính quyền thành phố (khả năng chấp nhận của người dân đối với các ý tưởng mới) hoặc theo mức chi tiêu R&D của thành phố... C_3 có thể hiển thị số lượng các nghệ sỹ và những người làm trong ngành khoa học và thiết kế cư trú trong thành phố hoặc số lượng các bằng sáng chế trên những phát minh mới trong thành phố đó. C_4 có thể là một ứng cử viên biến số cho thấy mô hình văn hoá kinh doanh (nghĩa là 1 nếu tiếp diễn, 0 nếu bị động, trong thái độ kinh doanh trung bình của toàn bộ thành phố). C_5 có thể hiển thị nền văn hoá chính trị có thể đánh giá được trong khuôn khổ mức độ tham gia của công dân trong những cuộc bầu cử chính và cơ chế quyết định chính sách. Ngoài ra, lưu ý rằng một số đặc điểm văn hoá cũng phụ thuộc vào một số nhân tố. Chẳng hạn, văn hoá chính trị (tức là C_5) phụ thuộc một cách tích cực hoặc tiêu cực vào tỷ lệ biết đọc biết viết hoặc tuổi đi học bình quân của người dân (tức là S_1). Trong trường hợp đó, một nguyên tắc hàm hợp áp dụng như sau:

$$dy/dS_1 = (\partial y/\partial x)(\partial x/\partial C_5)(\partial C_5/\partial S_1), \text{ khi } y = Y_t/Y_{t-1} \text{ và } x = X_t/X_{t-1}.$$

Một ví dụ khác, chúng ta có thể nói rằng nếu một tư duy hoặc cách giảng dạy về tín ngưỡng có thể làm thay đổi một trái tim nổi loạn thành một người tự tử, vậy có thể nói "tinh sáng tạo": tôn giáo → thay đổi thái độ của công nhân đối với công việc → văn hoá,

xã hội → sản xuất (hoặc là năng suất hoặc tính sáng tạo) tăng trong một quá trình phản ứng dây chuyền vòng tròn.

Căn cứ theo ảnh hưởng nhân quả của đa dạng văn hoá trên năng suất của thành phố, một phương pháp đánh giá cơ sở đa dạng văn hoá (ĐA DẠNG) có thể được thiết lập như sau:

ĐA DẠNG = $N^{(1-r)} - 1$, với N là số các nhóm văn hoá (như các chủng tộc khác nhau cư trú trong thành phố sử dụng các ngôn ngữ hoặc phương ngữ khác nhau làm các phương tiện giao tiếp chính tương ứng). r là tiêu chuẩn dân số của các nhóm văn hoá lớn nhất (đó là chủng tộc chiếm đa số) đối với tổng dân số. Lưu ý rằng trong công thức này ĐA DẠNG có liên quan tích cực đến N nhưng liên quan tiêu cực đến r. Cụ thể hơn, khi $N = 1$ hoặc $r = 1$, ĐA DẠNG sẽ bằng không.

Những đặc điểm văn hoá khác cũng được bổ sung vào vectơ văn hoá trên đây (C) như vậy, nếu cần thiết và sẵn có. Nó không thể nhấn mạnh quá nhiều đến tầm quan trọng của chính phủ thân thiện, những nền văn hoá kinh doanh và cấu trúc toàn diện sẽ phản ứng nhanh chóng, linh hoạt và tích cực với những đợt sóng mới của xu hướng, sự cách tân và những ý tưởng sáng tạo. Như một trường hợp kiểu mẫu cụ thể của một thập niên trước, hãy cùng phản ánh về nền kinh tế Nhật Bản. Chúng ta biết rằng người Nhật (các công ty và những người tài) họ không hề thiếu những ý tưởng. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, Nhật Bản đã dẫn đầu thế giới kể từ những năm 1960. Thực ra, cho đến đầu những năm 1990, Nhật Bản đã được gọi là tổ chức quyền lực kinh tế số 1. Nhưng xu hướng đã bắt đầu thay đổi khi thế kỷ mới đến đó là lúc Nhật Bản phải khắc phục hậu quả sau cơn chấn động bong bóng về bất động sản. Điều kỳ diệu Nhật Bản dường như đã đến ngưỡng chững lại cho dù những xu hướng mới đây đang cho thấy những dấu hiệu sáng lạn. Đến bây giờ thì sao?

Để trả lời cho câu hỏi này thật không đơn giản, nhưng chướng ngại vật lâu dài trên con đường của Nhật Bản có thể được tìm thấy từ những sự cứng rắn trong cấu trúc xã hội căn bản sâu sắc đã in đậm vào nền văn hoá Nhật Bản. Bất chấp những nguồn lực và vốn hữu hình của đất nước, nhân lực có giáo dục và những mặt hàng dự trữ công nghệ tiên tiến, gần đây những mặt hàng này hiếm khi tham gia vào thị phần toàn cầu hoặc chuyển thành nhiều sản phẩm mới có giá trị. Sự chậm chạp này theo quan điểm của tôi bắt nguồn từ những sự cứng nhắc cơ cấu toàn diện đã bắt rễ sâu vào trong nguyên tắc xã hội và môi trường đã thiết lập. Chẳng hạn, ở Nhật Bản, khi ra quyết định nhóm thông thường cần mất một khoảng thời gian và một khi các quyết định được đưa ra, chúng hiếm khi được tái điều chỉnh để dàng một cách nhanh chóng nhằm đáp ứng các thông tin hoặc những điều kiện mới. Mà chỉ là lặp lại ý nghĩa của những nền văn hoá chính phủ, công nghiệp và cấu trúc bị động trên toàn lãnh thổ.

Bất chấp việc người Nhật không có một bức tường văn hoá khép kín, sự thật là không hề có một kênh tiếng Anh nào trong số các kênh truyền hình chung hoạt động độc lập tại hầu hết các thành phố chủ yếu bao gồm Tokyo và Kitakyushu, cho dù họ vẫn chấp nhận tiếng Anh là một ngôn ngữ liên lạc quốc tế chiếm ưu thế. Đây có thể là một ví dụ về tâm lý bài ngoại bắt rễ sâu trong lớp tư duy cổ hủ của người Nhật, có thể bắt nguồn từ thất bại của họ trong Thế chiến II. Có thể quan sát của tôi là sai lầm và thiếu cặn như tôi hy vọng.

Mô hình cơ bản trên đây (2) có thể tạo ra nhiều dạng chức năng khác nhau có thể được sử dụng để đánh giá vai trò của văn hoá đối với thành phố sáng tạo hoặc năng suất

thành phố. Để minh họa, một dạng hồi quy tuyến tính hoặc phi tuyến tính có thể được lập công thức nhằm điều tra các quan hệ theo kinh nghiệm có tồn tại trong số các biến số sự tăng trưởng thành phố (y) và những biến số nông cốt khác hay không:

$$\text{Trong } Y_t = \ln A_t + a_1 \ln K_t + (1-a_1) \ln Q_t + a_2 \text{ DIVERSITY} + a_3(\text{DIVERSITY} * \ln Q_t) + \Sigma b_{i,t} \ln C_{i,t} + U_v \quad (3)$$

Ở đây U là một biến số lỗi ngẫu hứng.

Biến số tương tác ($\text{ĐA DẠNG} * \ln Q$) có thể hoặc không thể bao gồm.

Để ước tính theo kinh nghiệm những ảnh hưởng này sử dụng phương trình trên đây về năng suất (tính sáng tạo) của thành phố, dĩ nhiên, nhóm dữ liệu, hoặc chuỗi điểm dữ liệu hoặc bảng dữ liệu cần phải có mức độ tự do đủ lớn nhằm đạt được các kết quả quan trọng và đáng tin cậy từ đó.

Thu thập và xử lý những dữ liệu văn hoá này (ĐA DẠNG và C_i) thực ra là một nhiệm vụ thách thức chủ yếu.

4. Những năng lực của lãnh đạo và vấn đề các tổ chức xã hội

“Thế giới của tương lai sẽ yêu cầu các năng lực mà cho đến bây giờ, đơn thuần chỉ là những lựa chọn. Bạn đã bắt đầu tự phát triển những năng lực này - hay có sự trợ giúp của những người khác?” - Howard Gardner: “Năm Trí tuệ cho Tương lai” (NXB Trường Kinh doanh, 2006).

Chúng ta sống trong một thời gian có những thay đổi lớn lao bao gồm sự tăng cường toàn cầu hoá, tăng số lượng các luồng thông tin trực tuyến hoặc hữu tuyến, những ý tưởng linh hoạt và những sự cách tân, những sự tiến bộ ngày càng tăng trong khoa học và công nghệ, và những sự cạnh tranh tàn bạo trong kinh doanh và công việc trong và ngoài nước (các thành phố). Sự trỗi dậy của kỷ nguyên kinh tế dựa vào trí thức mới mẻ này cho thấy không chỉ sự nguy hiểm đáng sợ mà còn là những triển vọng hứa hẹn tuyệt vời. Bao quanh từ mọi hướng bằng sự trỗi dậy và sụp đổ không ngừng của những ý tưởng mới và những tư duy sáng tạo, làm sao chúng ta có thể bảo đảm rằng chúng sẽ được sử dụng hiệu quả để cải thiện xã hội của chúng ta? Câu trả lời nằm trong cả hai năng lực cầu và cung. Khía cạnh cung tạo ra những ý tưởng kích thích tính sáng tạo của tổ chức nơi thuộc về nó. Khía cạnh cầu bao gồm những người ứng dụng, kích thích và tiếp thị những ý tưởng sáng tạo. Chất lượng của những ý tưởng và tư duy phụ thuộc vào khả năng của những người sáng tạo ý tưởng (các nhà cung cấp) cũng như những sự hỗ trợ tích cực từ cả người tiêu dùng và các cơ quan thuộc Chính phủ liên quan. Những sự ứng dụng và giải pháp thành công có sẵn từ những ý tưởng này phụ thuộc chủ yếu vào ý chí và sự lãnh đạo giỏi của những người phụ trách công tác ứng dụng, kích thích và tiếp thị kịp thời. Trên hết, những người ra quyết định trong tổ chức (chính quyền thành phố hay các cơ sở kinh doanh) triển khai vai trò quan trọng nhất trong việc đưa những ý tưởng sáng tạo vào việc giải quyết những vấn đề có thực.

Nhằm tạo ra môi trường sáng tạo, đặc biệt, các nhà lãnh đạo và quan chức chính phủ (trung ương hoặc địa phương) là những người quan trọng trong việc tạo điều kiện cho quy trình sáng tạo. Charles Landry (2000) đề nghị năm giai đoạn khi những nhà lãnh đạo và quan chức đóng vai trò thiết yếu trong quá trình sáng tạo bền vững:

1. Giúp đỡ mọi người xây dựng ý tưởng và kế hoạch.
2. Biến ý tưởng thành thực tế.
3. Tạo mạng lưới, lưu hành và tiếp thị những ý tưởng và kế hoạch.
4. Những cơ chế chuyển giao như các không gian rẻ tiền cho thuê, các không gian và cơ hội để áp ú hoặc triển lãm và trưng bày.
5. Phổ biến những kết quả cho thành phố, những thị trường xây dựng và người xem, thảo luận những kết quả nhằm tạo thành những ý tưởng mới.

Quy trình của Landry cung cấp ranh giới thích hợp cho sự can thiệp của bất kỳ chính quyền thành phố nào vào quá trình xây dựng thành phố sáng tạo. Nếu đề xuất chính phủ nhỏ của Milton Friedman (đã mất năm 2006) tình cờ gặp gỡ Landry, ông chắc chắn có thể cho thấy mình phản ứng với quy trình đó một cách tự mãn và theo kinh nghiệm ra sao. Đối với đề xuất của Landry, thật đơn giản khi phác thảo cho một thành phố đưa ra những sự phán xét về việc không chỉ đẩy mạnh những ý tưởng của thành phố mà còn biến đổi những ý tưởng đó thành các sản phẩm và dịch vụ thật sự. Thực ra, người thích hợp ở vị trí thích hợp, nhân cách và những phẩm chất của lãnh đạo có nghĩa là toàn bộ phạm vi khác nhau của những quy trình và kết quả ở khắp mọi nơi trên thế giới này.

Liên quan đến nhân cách của nhà lãnh đạo, một nhóm những quy mô hữu ích được giới thiệu căn cứ theo cái gọi là Năm sự biến đổi lớn (OCEAN) trong nhân cách của các nhà tâm lý học người Mỹ Paul T. Costa và Robert R. McCrae (cf. Hofstede và Hofstede, p.94):

- O: Tiếp nhận kinh nghiệm trái ngược với cứng nhắc
- C: Tận tâm trái ngược với không đáng tin cậy
- E: Hướng ngoại trái ngược với hướng nội
- A: Dễ chịu trái ngược với nóng tính
- N: Loạn thần kinh trái ngược với sự thăng bằng về cảm xúc

Phụ thuộc vào đặc trưng bản chất trên đây của OCEAN mà những người ra quyết định trong cả hai khu vực quốc doanh và tư nhân duy trì sự tăng trưởng của tổ chức sẽ bị ảnh hưởng khác nhau. Điều này cho thấy xuất hiện mối quan hệ giữa giới lãnh đạo (bao gồm tư cách của người lãnh đạo) và nền văn hoá thuộc xã hội, tổ chức (và sự tăng trưởng). Một tổ chức (và cả doanh nghiệp) là một hệ thống xã hội có bản chất khác nhau và nó tạo thành nền văn hoá điều hành (và quản lý) và đồng nhất thông qua các nhà lãnh đạo và thành viên nối tiếp nhau. Do đó, nhân tố mềm như nhân cách và triết lý của nhà lãnh đạo là nhân tố quyết định cách (và phương thức) điều hành một tổ chức. Một khi nguyên tắc và phương thức điều hành cách điệu hoá được thiết lập trong tổ chức, chúng sẽ được xem là văn hoá điều hành.

Nhân tố quan trọng nhất đó là văn hoá cá nhân của người lãnh đạo quyết định văn hoá tổng hợp trong tổ chức và các văn hoá tổng hợp của nhiều tổ chức trong xã hội sẽ tự nhiên hình thành toàn bộ nguyên tắc, quy định và văn hoá công sở của toàn xã hội. Quan hệ nhân quả có thể nằm ở hướng khác: văn hoá công sở → văn hoá tổng hợp → văn hoá cá nhân theo thứ tự. Nhưng lưu ý rằng văn hoá cá nhân và quyền lợi cá nhân không nhất thiết lúc nào cũng phải đi kèm với văn hoá tổng hợp và quyền lợi tổng hợp (xem thảo luận thêm về vấn đề này trong phần 5.)

Dù sao chăng nữa, phạm vi chuỗi này của quá trình tái sinh văn hoá, dù theo cách này cũng cho thấy ngụ ý quan trọng ảnh hưởng sâu sắc của bản sắc xã hội. Nếu một nền kinh tế khăng khăng với những nhân tố công sở (cứng đầu) cứng nhắc bao gồm quy định Chính phủ, những khoảng thời gian được miễn thuế, những ưu đãi về tài chính khác, sự thành lập công đoàn, hàng rào thuế quan và các khoản thuế, những nguyên tắc nội dung cục bộ..., thì nền kinh tế đó sẽ khăng khăng cho rằng "nguyên tắc là nguyên tắc".

Để minh họa, giả sử rằng một người ngoài hành tinh đến thành phố Kitakyushu và định ở lại trong một khoảng thời gian dài. Giả sử rằng anh ta/cô ta cần mở một tài khoản ngân hàng, mua một chiếc điện thoại di động và số sim, xin bằng lái xe quốc tế dựa trên bằng lái xe tại quê hương mình. Và giả sử người ngoài hành tinh đó gặp phải hàng loạt những yêu cầu phải tuân thủ quy định và luật lệ của thành phố Kitakyushu. Và nếu những quy định và luật lệ đó rất phức tạp và bị hạn chế so với những quy định và luật lệ tại Seoul hay Bắc Kinh, vị khách du lịch này chắc chắn sẽ có những ấn tượng đen tối bất chấp nụ cười thân thiện và thái độ lịch sự của cô gái trên cửa sổ. Kinh nghiệm đầu tiên này sẽ trở thành một kinh nghiệm thương đau do chính ấn tượng về sự quan liêu đã hằn sâu vào đồng quy định cứng nhắc đó của nước chủ nhà. Những sự cứng nhắc về cơ cấu có vẻ như là nguồn cơn cho sự lạc hậu về mặt tổ chức và kỹ thuật ngày nay của ngành dịch vụ tại Nhật Bản.

Những khiếm khuyết về điều hành đã làm hại đến mọi khía cạnh và giới hạn trong các hoạt động của cá nhân và tập thể tại nhiều nơi trên thế giới này. Việc thi hành quá nhiều quy định sẽ góp phần làm chậm trễ sự phát triển "tri thức", đó là còn chưa tính đến sự chậm trễ khi ra quyết định trong thế giới đòi hỏi nhiều về tri thức linh hoạt đang thay đổi như chong chóng này.

Luật pháp Nhật Bản cho đến gần đây mới thực sự cấm các doanh nghiệp liên doanh giữa các công ty và trường đại học. Sự sụp đổ của những hàng rào cứng nhắc này thực ra là một nhiệm vụ có thể hình dung là khẩn cấp và đau đớn đối với các nhà lãnh đạo Nhật Bản mong muốn chia sẻ liệu Nhật Bản có thể khiến cả thế giới ngạc nhiên một lần nữa không. Những bước ngoặt nhanh chóng như vậy cũng cần thiết đối với Kitakyushu (và cả các thành phố khác nữa ở khắp mọi nơi).

Xin nói lại, nếu một thành phố mong muốn đạt được sự sắc sảo trong cạnh tranh và xây dựng tính sáng tạo, trước hết, ban lãnh đạo phải có lập trường can đảm làm mềm lại và đơn giản hoá những quy định và thủ tục hành chính nhằm điều chỉnh một cách thân thiện các đơn xin và kiến nghị của dân. Những ý tưởng mới và những tư duy cách tân có thể bùng nổ và chỉ tạo ra những trái ngọt trên mảnh đất thân thiện.

Tất cả chúng ta đều biết rằng những tế bào cơ thể mới liên tiếp thay thế những tế bào chết trong suốt vòng đời sinh học. Thật tự nhiên khi có ai đó giữ nguyên được chuỗi tất cả những bộ phận của tế bào cơ thể. Nhưng người đó vẫn có một sự đồng nhất rõ ràng trong tính cách và tư cách. Đó là vì tất cả những tế bào này cùng chia sẻ các gen tương tự nhau.

Một hiện tượng tương tự phát sinh trong tất cả các xã hội được thiết lập (tại các thành phố như Kitakyushu, Tokyo, Bắc Kinh và Rome) và các tổ chức (văn phòng chính quyền thành phố, ICSEAD, doanh nghiệp và các trường đại học...). Sự đồng nhất được thừa dẹt trong lớp cuối cùng trong các gen cơ thể chúng ta bất chấp hàng loạt những sức ép phải thay đổi. Tuy nhiên, lưu ý rằng văn hoá không bắt rễ trong gen. Văn hoá chỉ là một cuốn sách không được viết ra với những luật lệ cho các thành viên, tự làm tổ trong

tâm trí họ. Do đó, các nền văn hoá tổ chức và công sở có thể được người phụ trách tạo ra, thay đổi và quản lý. Trong đó có bao gồm tầm quan trọng của các nhà lãnh đạo, công hoặc tư, trong việc sáng tạo và quản lý rất nhiều những thành viên văn hoá một cách thân thiện để xây dựng tính sáng tạo.

5. Tóm tắt và kiến nghị

Có rất nhiều những sự biến đổi văn hoá và chủ thể văn hoá có thể có những tác động tốt hoặc xấu đến tiến trình phát triển của một thành phố (nền kinh tế). Cũng có nhiều cách cải thiện năng suất (tính sáng tạo) như đã hiển thị trong các phương trình năng suất (các phương trình 1 và 2). Các phương trình có thể được lập công thức lại như một biểu thức mà những yếu tố đầu ra được phân chia bằng những yếu tố yếu tố đầu vào, nếu chúng ta muốn. Nhằm cải thiện năng suất, chúng ta phải nâng cao những yếu tố đầu ra hoặc hạ thấp các chi phí, hoặc cả hai. Các nhà quản lý dựa trên lý trí nhìn vào tất cả những yếu tố yếu tố đầu vào (công nghệ, vốn, lao động, nguyên vật liệu và văn hoá) cũng như các yếu tố đầu ra.

Các nội dung dưới đây có thể giúp các nhà quản lý (thị trường thành phố hoặc chủ tịch doanh nghiệp) có được kiến thức đầu tiên xác định các mức năng suất phù hợp nhất đối với tổ chức của mình.

Thứ nhất, các nhà quản lý có thể mong muốn tăng đầu ra hoặc giá trị gia tăng. Việc này có thể được thực hiện ngay bằng cả hai cách (1) tăng hiệu suất lao động và (2) tăng cường sử dụng ý tưởng (sáng tạo) cách tân và tài sản. Nói cách khác, yếu tố đầu ra và giá trị gia tăng có thể tăng lên bằng cách (1) bán các hàng hoá và dịch vụ gia tăng mới, (2) nâng lên mức giá trị gia tăng cao hơn trong danh mục vốn đầu tư hiện thời, và (3) nhận thức rõ nhiều giá trị hơn từ hàng hoá trong danh mục vốn đầu tư hiện thời. Giá trị cao hơn từ hàng hoá và dịch vụ và các hàng hoá giá trị gia tăng có thể đạt được khi sử dụng những ý tưởng, kiến thức và công nghệ mới.

Tiếp theo, giảm yếu tố yếu tố đầu vào (giảm chi phí) có thể đạt được bằng cách giảm cả hai chi phí lao động và phi lao động. Các chi phí lao động có thể được giảm bằng cách thay thế vốn và công nghệ bằng lao động cũng như sử dụng lao động một cách hiệu quả hơn. Ở đây, các ý tưởng sáng tạo cũng có đóng góp rất lớn. Những ý tưởng sáng tạo phát sinh ngoài những gì tích lũy được qua giáo dục, đào tạo, môi trường, văn hoá, kinh nghiệm và cá nhân tài năng có văn hoá trong số dân chúng, đó là không nói đến những vấn đề ảnh hưởng phụ và những sự đau khổ mà họ gặp phải. Với mục đích khiến tất cả những tài sản vật chất và hữu hình này đẩy mạnh tính sáng tạo và xã hội sáng tạo phụ thuộc vào toàn bộ các nhân tố con người, không chỉ hoạt động tích cực như các chủ thể đi đầu mà còn là một bên sẵn lòng giúp đỡ một cách bị động. Vai trò của các nền văn hoá (vốn xã hội) trong việc hình thành các đồng vốn nhân lực tích cực hướng đến tương lai phải rất quan trọng đủ để hiểu được những mối quan hệ tương hỗ giữa các nền văn hoá và sự tăng trưởng kinh tế (thành phố) và bất kỳ sự đánh giá định lượng nào về các giá trị kinh tế của quan hệ này sẽ là bài tập về nhà đối với một số nhà toán học kinh tế nghiêm túc.

Cuối cùng, những mối quan hệ giữa quyền lợi cá nhân (mức tối thiểu) và quyền lợi tập thể (hoặc mức tối đa) cần phải chú ý thêm. Để cho thảo luận đơn giản hơn, chúng ta hãy giả sử rằng một thành phố theo giả thuyết bao gồm 10 công ty sản xuất (X_i , với $i = 1 \dots 10$), một chính quyền thành phố (G) và vô số người tiêu dùng (P_i và i từ 1 đến n) có những cuộc sống ít thì nhiều có liên quan đến hai thực thể trên đây (X_i và G). Để đơn giản hơn nữa, chúng ta gạt sang bên toàn bộ P_i trong sự cân nhắc này, bởi vì

chúng ta chỉ quan tâm đến các công ty và chính phủ có quyền lợi trong sự cách tân công nghệ mới. Giả sử rằng 10 công ty sản xuất những hàng hoá rất cạnh tranh. Giờ cho rằng công ty X_1 trở thành công ty đi đầu trong sáng tạo công nghệ cải thiện sản phẩm của mình. Thật tự nhiên, người đi đầu thành công về công nghệ này sẽ rất mạnh mẽ trong nỗ lực làm chậm lại sự truyền bá. Từ đây, chúng ta có thể suy luận ra những thuận lợi và bất lợi của người đi trước từ triển vọng của thành phần đơn lẻ trong hội kinh doanh. Về điều này, Michael E. Porter (1985) đưa ra một danh sách tóm tắt hay mà được trích ra một phần sau đây¹:

Những lợi thế của người đi trước

Những lợi thế khuyến khích một công ty sáng tạo công nghệ mới nhằm chuyển một khoảng cách công nghệ thành những lợi thế cạnh tranh khác của mình. Những lợi thế của người đi trước nằm ở vai trò hoạch định thời gian cải thiện vị trí của công ty có liên quan đến những nguồn lực ổn định của các lợi thế hoặc sự phân biệt về chi phí. Những lợi thế quan trọng nhất bao gồm (1) danh tiếng, (2) chiếm tiên cơ một sản phẩm hấp dẫn hoặc giành vị trí trên thương trường, (3) thay đổi các chi phí đột ngột, (4) tiếp cận sự lựa chọn kênh tiếp thị, (5) đường cong nhận thức thích hợp, (6) được tiếp cận một cách thuận lợi vào những cơ sở, yếu tố đầu ra hoặc các nguồn lực khan hiếm khác, (7) xác định các tiêu chuẩn về công nghệ hoặc các hoạt động khác, (8) hưởng thụ những bản quyền công ty chống sao chép và (9) những uy tín cao tạm thời...

Porter thích đáng chỉ ra rằng những nhà lãnh đạo về công nghệ thành công tích cực theo đuổi những lợi thế của người đi trước hơn là hiếm khi phụ thuộc vào sự sắc sảo về mặt công nghệ của chính họ. Tuy nhiên, những lợi thế này có thể làm tiêu tan những người mới vào nghề mạnh mẽ sau đó, trừ phi những người đi trước đầu tư lợi dụng họ tốt hơn.

Những bất lợi của người đi trước

Những bất lợi của người đi trước bắt nguồn từ cả chi phí đi tiên phong và rủi ro khi những điều kiện sẽ thay đổi. Những chi phí tiên phong bao gồm những chi phí sau:

- Giành được sự phê chuẩn theo quy định
- Có được sự tuân thủ bộ luật
- Những người mua có giáo dục
- Phát triển cơ sở hạ tầng tại các khu vực như các cơ sở dịch vụ và đào tạo
- Phát triển những yếu tố đầu tiên cần thiết như các nguồn nguyên liệu thô và các loại máy móc
- Đầu tư vào sự phát triển các sản phẩm bổ sung
- Các chi phí cao các yếu tố đầu vào ban đầu bởi vì tính hiếm hoi của nguồn cung cấp hoặc phạm vi nhu cầu nhỏ.

Những bất lợi khác có thể bắt nguồn từ sự không chắc chắn, những thay đổi trong nhu cầu của người mua, chi phí yếu tố sản xuất hoặc chất lượng yếu tố sản xuất, và tính không liên tục về công nghệ...

Từ quan điểm mức tối thiểu, chúng tôi thấy rằng vẫn còn tồn tại nói chung một mối quan hệ cân nhắc lựa chọn về quyền lợi giữa các nhà lãnh đạo công nghệ và những người

kẻ ăn cắp (những người sửa đổi) công nghệ nếu họ đang cạnh tranh nhau cả hai cũng sử dụng công nghệ và tiếp thị các sản phẩm. Người này được nghĩa là người kia mất.

Nhưng từ quan điểm mức tối đa (trong trường hợp này là thị trường), toàn bộ các phát minh hữu ích giúp toàn bộ thành phố nhiều. Do đó, thị trường là người quy hoạch thành phố phải tìm ra cách tích cực nhằm đẩy mạnh những ý tưởng mới và ứng dụng những công nghệ mới trong tất cả các hoạt động của mọi tầng lớp dân chúng.

Ngoài ra, nếu những phát minh này giúp xây dựng một thành phố hữu ích, người quản lý thành phố phải nghiên cứu tính khả thi tái kiến thiết khu đô thị theo hướng dẫn đến những sự giảm bớt chi phí sản xuất và những ảnh hưởng tạo cụm. Thành phố tương lai có thể được thiết kế nhằm tái tổ chức thành một khu riêng phân chia các quận sản xuất và thương mại, các quận cư trú và giáo dục, các quận cụm nghiên cứu và phát triển, các nghệ sỹ và các quận dịch vụ, phát triển có liên quan đến văn hoá.

Chúng ta có thể ngắn gọn chuyển những ý tưởng của chúng ta đến một thành phố nơi chúng ta ở và suy nghĩ về những gì chúng ta có thể cùng nhau làm gì với nó.

Các công dân và những nhà quy hoạch đô thị của thành phố Kitakyushu có thể cần khám phá sâu hơn cách làm thế nào đẩy mạnh những lợi thế so sánh của thành phố căn cứ theo địa lý, địa điểm và các môi trường vật chất và tự nhiên xung quanh. Chắc chắn thành phố này giờ đây có những giới hạn cạnh tranh cũng như các cơ sở hạ tầng trong ngành công nghiệp robot, ngành công nghiệp phim hoạt hình, các dịch vụ có liên quan đến các nguồn lực tự nhiên (như suối nước nóng, câu cá, dạo chơi bằng thuyền, cưỡi ngựa), kể cả ngành nghiên cứu và giáo dục nữa.

Nếu tôi ngồi trong văn phòng thị trường thành phố Kitakyushu, tôi sẽ có thể mơ đến việc làm thế nào mở rộng tính điều phối và những hiệu quả dây chuyền từ các dự án đô thị của thị trường theo nhiều cách, giả sử rằng chúng là những dự án được lựa chọn tốt. Nếu tôi được làm thị trường thành phố, tôi sẽ mơ đến việc xây dựng thành phố này hoạt động như một trung tâm thương mại toàn cầu cũng như trung tâm cung cầu vận chuyển hàng hoá toàn cầu nối giữa thành phố này với Thượng Hải, Qintao, Busan, Inchon và các cảng châu Á khác. Tôi cũng sẽ mơ phát triển thành phố này thành một trung tâm dịch vụ dựa trên tri thức tại miền Nam Nhật Bản. Tôi cũng sẽ cố gắng phát triển thành phố này như một trung tâm giáo dục quốc tế trong đó tiếng Anh là ngôn ngữ chính trong tất cả các lớp.

Nhưng khi là một người ngoài hành tinh đến thành phố này chỉ vài tháng trước, tôi sẽ thường xuyên mơ đến việc làm thế nào và ai có thể bắt và tàng trữ sức mạnh ánh sáng ấy từ bầu trời mùa hè đầy bão tố phía trên thành phố nóng bỏng này. Nhìn ra phía đại dương xanh ngắt trên bến cảng Kokura, tôi đã từng mơ rằng sẽ ra sao nếu một nguồn năng lực hydro có thể được khai thác từ mặt biển này với một mức giá cạnh tranh. Đôi khi trong những đêm mất ngủ, tôi cũng thường mơ làm thế nào tôi có thể đi du lịch với "tốc độ của ánh sáng" để tôi có thể đồng bộ hoá và trải qua quá khứ và tương lai xa xôi của mình cùng một lúc trong một khoảnh khắc. Khi giấc mơ ngẫu hứng ấy phát triển thành một ý tưởng mới và nếu ý tưởng ấy được mua bằng bất kỳ giá nào, ý tưởng đó sẽ trở thành một nhân tố cạnh tranh lớn. Như vậy, tôi tin rằng thành phố này lớn mạnh với nền văn hoá, xã hội và môi trường sản sinh ra những ý tưởng sáng tạo và những công nhân sáng tạo như thế.

"Rời bờ cát nóng bỏng sẽ trở thành hồ, những con suối sôi sùng sục dưới đất đầy khao khát.

Tại những nơi chớ rừng thường nằm, cỏ và những đám sậy và cây cối giấy sẽ mọc lên. Rồi một con đường cao tốc sẽ xuất hiện: nơi này rồi sẽ được gọi là Con đường Thiêng.

- Isaiah 35:7-8

CHÚ THÍCH

- ¹ M. Porter: Lợi thế cạnh tranh: *Sáng tạo và duy trì hiệu suất siêu việt*, New York: NXB Free Press, 1998, tr. 186 - 191.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Clark, William A.V., *Phân tích dây chuyền trong Địa lý học: Áp dụng vào việc điều hành các khu bán lẻ*. Biên niên sử của Hiệp hội các Nhà Địa lý học Mỹ, tập 55, tr. 351 - 359, 1965.
2. Florida - Richard, *Sự trỗi dậy của tầng lớp sáng tạo: Và họ đang thay đổi công việc, giải trí, cộng đồng và mọi cuộc đời như thế nào*, Basic Books, New York, 2002.
3. Harrison, L.E. - S.P. Huntington, *Những vấn đề văn hoá: Những giá trị định hình tiến bộ của con người như thế nào*, Basic Books, New York, 2000.
4. Hofstede, G. - G.J. Hofstede, *Những nền văn hoá và các tổ chức*, McGraw - Hill, New York, 2005.
5. Landry, C., *Thành phố sáng tạo: Công cụ cho những nhà cách tân đô thị*, Earthscan, London, 2000, 2006.
6. Muth, R., *Cấu trúc không gian của thị trường nhà ở*, Tài liệu và Biên bản lưu của Hiệp hội Khoa học Địa phương, 7/1961.
7. Porter, M., *Lợi thế Cạnh tranh: Sáng tạo và duy trì hiệu suất siêu việt*, Free Press, New York, 1985.
Toffler, A., *Sự giàu có cách mạng: Cách tạo ra nó và cách nó thay đổi cuộc đời ta*, Doubleday, New York, 2005.
8. Guo, R. - E.G. Hwang, *Đa dạng văn hoá và Phát triển kinh tế trong một nhóm dân tộc: Bằng chứng từ Dữ liệu năm 1982 - 1997*, Bài phê bình các nghiên cứu quốc tế, Đại học Hàn Quốc, vol. 5(1), 25-48, 2002.
9. E.G. Hwang - Guo, R., "Sự tương đồng về văn hoá và thương mại quốc tế trong một nhóm dân tộc", tập san về *Kinh tế và Khoa học Quản lý*, Đại học Pretoria, số 9 (2), pp.213 - 229, 6/2006.
10. Scott, A.J., "Những thành phố sáng tạo: Các vấn đề về khái niệm và thách thức về chính sách", tập san *Những vấn đề đô thị*, số 28 (1), trang 1 - 17, 2006.